

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06 – 5 – 2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Sương
2. Ông Phan Kiên Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nguyên – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 05 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 81/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc S, sinh năm 1988 (Có mặt)

* Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1990 (Có mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 02 năm 2025 nguyên đơn Lê Thị Ngọc S trình bày:

Năm 2008, chị S và anh H kết hôn trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình chị S và anh H có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng hạnh phúc được khoảng 16 năm. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác ở bên ngoài. Tháng 12 năm 2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ly thân, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị S yêu cầu được ly hôn với anh H. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Chí K, sinh ngày 18/5/2009 và Nguyễn Chí D, sinh ngày 14/7/2020, hiện đang sống chung với chị

S. Chị S yêu cầu nuôi 02 con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: Chị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng H trình bày: Anh H thống nhất theo lời trình bày của chị S về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay anh H không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Ngọc S. Trong trường hợp ly hôn thì về con chung: Anh H đồng ý giao 02 con chung tên Nguyễn Chí K, sinh ngày 18/5/2009 và Nguyễn Chí D, sinh ngày 14/7/2020 cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng, anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của chị Lê Thị Ngọc S là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị S và anh H cưới nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng ý kiến. Chị S xác định không còn tình cảm vợ chồng, thời gian ly thân kéo dài, chị S không muốn tiếp tục chung sống với anh H. Như vậy cho thấy đời sống chung giữa chị S và anh H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị S và anh H.

[3]. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Chí K, sinh ngày 18/5/2009 và Nguyễn Chí D, sinh ngày 14/7/2020, hiện đang sống chung với chị S.

Nhằm tránh làm xáo trộn cuộc sống, tâm sinh lý của cháu Chí K và Chí D. Mặt khác, cháu Chí K có nguyện vọng sống chung với chị S khi cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử giao cháu Chí K và chí D cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tiếp tục giao 02 con chung tên Nguyễn Chí K, sinh ngày 18/5/2009 và Nguyễn Chí D, sinh ngày 14/7/2020 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Hoàng H đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.450.000đồng/02 con cho đến khi con chung Chí D và Chí K đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh H được quyền, nghĩa vụ vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị S và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể chị S phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000đồng án phí và được khấu trừ vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp và anh H phải chịu án phí nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành.

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc S. Cho chị Lê Thị Ngọc S được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng H.

2. Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung tên Nguyễn Chí K, sinh ngày 18/5/2009 và Nguyễn Chí D, sinh ngày 14/7/2020 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Hoàng H đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.450.000đồng/02 con cho đến khi con chung Chí D và Chí K đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh H được quyền, nghĩa vụ vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Ngọc S và anh Nguyễn Hoàng H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Lê Thị Ngọc S và anh Nguyễn Hoàng H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc chị S nộp 300.000đồng tiền án phí dân sự; khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai thu số N 0002060 ngày 27/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên chị S không phải nộp thêm.

+ Anh H nộp 300.000đồng tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Trần Thị Hồng Chi